

THE RESULTS OF RESEARCH ECONOMIC EFFICIENCY OF SOME TYPES OF LAND USE AGRICULTURAL IN DINH HOA DISTRICT OF THAI NGUYEN PROVINCE

Truong Thanh Nam¹, Nguyen Ngoc Nong¹, Ha Anh Tuan^{2*}

¹TNU - University Agriculture and Forestry, ²Thai Nguyen University

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 21/9/2022	Dinh Hoa district has conditions to develop highyield and sustainable ecological agriculture. Both ensure food security in the area, create products and goods for domestic and export markets, and integrate with economies in the region and the world. The research results have evaluated the economic efficiency of different types of agricultural land use (LUT), the classification of economic indicators of each type of agricultural land use. From 51,351.90 ha of agricultural land of Dinh Hoa district, 9 types of land use and 7 economic efficiency criteria have been identified. On the basis of analyzing and assessing the advantages and limitations of development resources, and at the same time building solutions to overcome the shortcomings of previous plans, the research results contribute to improving the efficiency of the project. land assessment, land use planning of the district on all three aspects of economy, society and environment.
Revised: 30/01/2023	
Published: 31/01/2023	
KEYWORDS	
LUT	
Economic efficiency	
Dinh Hoa	
Type of land use	
Economic efficiency assessment	

NGHIÊN CỨU HIỆU QUẢ KINH TẾ MỘT SỐ LOẠI HÌNH SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐỊNH HÓA, TỈNH THÁI NGUYÊN

Trương Thành Nam¹, Nguyễn Ngọc Nông¹, Hà Anh Tuấn^{2*}

¹Trường Đại học Nông Lâm - ĐH Thái Nguyên, ²Đại học Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 21/9/2022	Huyện Định Hóa có điều kiện để phát triển nền nông nghiệp sinh thái năng suất cao, bền vững. Vừa đảm bảo được an ninh lương thực trên địa bàn, vừa tạo ra sản phẩm hàng hoá cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu, hội nhập với các nền kinh tế trong khu vực và thế giới. Bằng phương pháp điều tra khảo sát và phân tích, kết quả nghiên cứu đã đánh giá được hiệu quả kinh tế các loại hình sử dụng đất nông nghiệp (LUT), phân cấp các chỉ tiêu kinh tế của từng loại hình sử dụng đất nông nghiệp. Từ 51.351,90ha đất nông nghiệp của huyện Định Hóa đã xác định được 9 các loại hình sử dụng đất và 7 chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế. Trên cơ sở phân tích đánh giá lợi thế và những hạn chế về các nguồn lực phát triển, đồng thời xây dựng các giải pháp khắc phục những tồn tại của các quy hoạch trước đây, kết quả nghiên cứu góp phần nâng cao hiệu quả cho công tác đánh giá đất, quy hoạch sử dụng đất của huyện trên cả 3 mặt kinh tế xã hội và môi trường.
Ngày hoàn thiện: 30/01/2023	
Ngày đăng: 31/01/2023	
TỪ KHÓA	
LUT	
Hiệu quả kinh tế	
Định Hóa	
Loại hình sử dụng đất	
Đánh giá hiệu quả kinh tế	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.6544>

* Corresponding author. Email: haanhtuan@tnu.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Định Hóa là một huyện miền núi phía Tây Bắc tỉnh Thái Nguyên, được biết đến với di tích quốc gia đặc biệt An toàn khu Định Hóa cách thành phố Thái Nguyên khoảng 52 km về phía Bắc [1], [2]. Với diện tích đất tự nhiên có 51,351.90ha, địa hình chia thành 3 tiểu vùng tự nhiên từ đó tạo thành một cảnh quan môi trường sinh động với chế độ nhiệt phong phú, độ ẩm tương đối khá, nhìn chung huyện Định Hoá có những điều kiện thuận lợi để phát triển đa dạng hoá cây trồng theo hướng hàng hóa [3], [4]. Trong điều kiện hiện nay để thúc đẩy và phát huy hết tiềm năng và lợi thế của huyện trong phát triển nông nghiệp, góp phần quan trọng trong thúc đẩy kinh tế xã hội của huyện phát triển nhanh và bền vững thì việc nghiên cứu đánh giá hiệu quả của một số loại hình sử dụng đất nông nghiệp là việc cần thiết [5]-[7].

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Hiệu quả kinh tế một số loại hình sử dụng đất nông nghiệp huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

* Phương pháp thu thập dữ liệu: Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, các số liệu về đất đai (đặc điểm khí hậu, thổ nhưỡng, tình hình sử dụng đất đai...), nguồn tư liệu thống kê đất đai của huyện, bản đồ hiện trạng, bản đồ địa hình, bản đồ đất...

* Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa [6]: Khảo sát thực địa và điều tra các yếu tố đất đai, thủy hệ, hiện trạng sử dụng đất, phỏng vấn 400 phiếu cán bộ và hộ gia đình nông nghiệp để thu thập số liệu.

* Phương pháp đánh giá hiệu quả [5], [7], [8]: Năng suất cây trồng (i); Giá trị sản xuất (GO); Chi phí trung gian (IC); Giá trị gia tăng (VA); Tỷ suất VA/IC; Tỷ suất GO/IC; Tỷ suất VA/LĐ.

* Phương pháp tính toán phân tích số liệu và trình bày kết quả: Số liệu được kiểm tra, xử lý bằng bộ phần mềm Microsoft Office, phân tích số liệu không gian bản đồ bằng phần mềm ArcGIS.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Đặc điểm chung của địa bàn nghiên cứu

Định Hóa là một huyện miền núi thuộc tỉnh Thái Nguyên, được biết đến với di tích quốc gia đặc biệt An toàn khu (ATK), có địa hình thấp dần về phía Nam được chia thành 3 tiểu vùng [4] và có khí hậu mang đặc điểm chung của khí hậu miền núi Đông Bắc. Địa bàn huyện có hệ thống sông suối phân bố khá đều trên lãnh thổ với nguồn nước tương đối phong phú, là nơi bắt nguồn của những nhánh suối và hình thành ba hệ thống sông chính, đó là hệ thống sông Chợ Chu, hệ thống sông Công, hệ thống sông Đu [3].

3.2. Hiệu quả kinh tế các loại hình sử dụng đất nông nghiệp

Kết quả điều tra thực địa và tổng hợp từ số liệu điều tra số liệu, phỏng vấn cho thấy hiện nay đất nông nghiệp của huyện được phân thành 3 loại đất là đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp và đất nuôi trồng thủy sản với 9 loại hình sử dụng đất (LUT) bao gồm: (LUT1) 2 lúa; (LUT2) 2 lúa, cây vụ đông; (LUT3) 1 lúa, 2 vụ rau, màu; (LUT4) LUT 1 lúa; (LUT5) Chuyên rau màu; (LUT6) Cây công nghiệp lâu năm; (LUT7) LUT Rừng sản xuất; (LUT8) Rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; (LUT9) Nuôi trồng thủy sản.

3.2.1. Hiệu quả kinh tế LUT 1 (Đất 2 lúa)

Năng suất trung bình (tính cả vụ Đông Xuân và Hè Thu) của cây lúa trong vùng điều tra đạt từ 48 tạ/ha đến 52 tạ/ha, trung bình đạt 50 tạ/ha. Năng suất lúa bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố: thời tiết, giống lúa, tình hình sâu bệnh hại. Qua kết quả điều tra từ các nông hộ và cán bộ thì giống lúa Bao thai đang được trồng nhiều nhất trên địa bàn huyện. Loại hình sử dụng đất 2 lúa cho tổng thu

nhập (GO) là: 74.144 nghìn đ/ha, tỉ suất VA/IC 1,95. Qua đó cho thấy hiệu quả của LUT 1 còn thấp (Bảng 1). Nguyên nhân là do người dân chưa đầu tư đúng mức dẫn đến hiệu quả kinh tế còn chưa cao. Vì vậy, trong thời gian tới cần chuyển giao khoa học kỹ thuật để thay đổi nhận thức của người dân, trong việc đánh giá đúng vai trò, vị trí của loại hình sử dụng đất. Nên đưa vào những giống lúa phù hợp với điều kiện đất đai, đồng thời sử dụng các công thức luân canh mới có hiệu quả kinh tế cao hơn công thức luân canh chuyên lúa truyền thống, đó là một vụ lúa - 2(3) vụ rau màu.

Bảng 1. Hiệu quả kinh tế LUT 1

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Lúa xuân	Lúa mùa	Tổng
GO	1000đ	33.184	40.960	74.144
IC	1000đ	12.956	12.205	25.161
VA	1000đ	20.227	28.754	48.983
LĐ	Công	250	235	485
VA/LĐ	1000đ	80.910	122.358	100.993
VA/IC	Lần	1,56	2,36	1,95
GO/IC	Lần	2,56	3,36	2,95

3.2.2. Hiệu quả kinh tế LUT 2 (Đất 2 lúa - cây vụ đông)

Đặc điểm nổi bật của loại hình sử dụng đất LUT 2 là không bị hạn, chủ động trong khâu tưới nước, tiêu nước. Chủ yếu trong loại hình sử dụng đất LUT 2 là: Lúa xuân - Lúa mùa - Ngô đông; Lúa xuân - Lúa mùa - Khoai tây đông; Lúa xuân - Lúa mùa - Khoai lang đông; Lúa xuân - Lúa mùa - Rau vụ đông. Qua phân tích cho thấy rằng loại hình sử dụng đất LUT 2 cho hiệu quả kinh tế cao hơn LUT 1, LUT 3, nhưng thấp hơn so với một số LUT khác. Khoai tây đông là cây có tỉ suất VA/IC cao nhất là 3,17 lần, lúa xuân là cây có tỉ suất VA/IC thấp nhất là 1,77 lần. Khoai lang là cây có hiệu quả kinh tế thấp nhất với GTSX là 12.540 nghìn đ/ha, rau đông là cây có hiệu quả kinh tế cao nhất với GTSX là 44.720 nghìn đ/ha (Bảng 2).

Bảng 2. Hiệu quả kinh tế một số cây trồng LUT 2

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Lúa xuân	Lúa mùa	Ngô đông	Khoai tây	Khoai lang	Rau đông
GO	1000đ	35.917	43.360	26.848	31.275	12.540	44.720
IC	1000đ	12.956	11.232	8.618	7.496	4.056	12.882
VA	1000đ	22.961	32.127	18.230	23.779	8.484	31.838
LĐ	Công	240	225	220	142	121	260
VA/LĐ	1000đ	95.671	142.787	82.863	167.457	70.115	122.453
VA/IC	Lần	1,77	2,86	2,12	3,17	2,09	2,47
GO/IC	Lần	2,77	3,86	3,12	4,17	3,09	3,47

3.2.3. Hiệu quả kinh tế của LUT 3 (Đất 1 vụ lúa - 2 (3) vụ rau, màu)

Qua phân tích thấy rằng loại hình sử dụng đất LUT 3 cho hiệu quả kinh tế cao thứ 3 trong các loại hình sử dụng đất của huyện với giá trị sản xuất là 135.200 nghìn đ/ha, trong đó vụ 1 (rau xuân) cho GTSX cao nhất 48.720 nghìn đ/ha. Tỉ suất VA/LĐ của LUT 3 là 130,510 đồng, trong đó vụ 3 (rau đông) cho tỉ suất VA/LĐ thấp nhất 122.453 đồng (Bảng 3).

Bảng 3. Hiệu quả kinh tế một số cây trồng LUT 3

Chỉ tiêu	Rau xuân	Lúa mùa	Rau đông	Tổng
GO	48.720	41.760	44.720	135.200
IC	12.882	12.205	12.882	37.969
VA	35.838	29.555	31.838	97.231
LĐ	260	225	260	745
VA/LĐ	137.838	131.352	122.453	130.510
VA/IC	2,78	2,42	2,47	2,56
GO/IC	3,78	3,42	3,47	3,56

3.2.4. Hiệu quả kinh tế của LUT 4 (Đất 1 vụ lúa)

Loại hình sử dụng đất 1 vụ lúa chiếm tỷ lệ thấp trên toàn huyện, có tính bấp bênh độ rủi ro lớn nên tâm lý của người nông dân thường ít quan tâm đầu tư đúng mức. Do vậy năng suất lúa thường thấp hơn nhiều so với các loại hình sử dụng đất khác. Qua bảng 4 ta thấy được giá trị sản xuất của LUT 4 là 35.917 nghìn đ/ha, tỉ suất VA/IC 1,77 lần thấp nhất trong các loại hình sử dụng đất của huyện. Để nâng cao hiệu quả kinh tế của loại hình sử dụng đất này cần lựa chọn công thức luân canh phù hợp với chất đất, xây dựng, cải tạo hệ thống thủy lợi.

Bảng 4. Hiệu quả kinh tế một số cây trồng LUT 4

Chỉ tiêu	ĐVT	Lúa mùa
GO	1000đ	35.917
IC	1000đ	12.956
VA	1000đ	22.961
LĐ	Công	240
VA/LĐ	1000đ	95.671
VA/IC	Lần	1,77
GO/IC	Lần	2,77

3.2.5. Hiệu quả kinh tế của LUT 5 (Đất chuyên rau, màu)

Đây là loại hình sử dụng đất có thành phần cơ giới từ cát pha đến thịt nhẹ, ít chua, không bao giờ bị ngập nước. Do đặc điểm về địa hình, loại hình sử dụng đất LUT 3 chỉ thích hợp với các cây trồng cạn vì vậy ở loại đất này người ta không cấy lúa màu chủ yếu trồng các cây màu lương thực, công nghiệp ngắn ngày và cây màu thực phẩm được luân canh 3, 4 vụ. Đây là loại đất rất tốt, có hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích là cao nhất trong các loại đất trong toàn huyện.

Bảng 5. Hiệu quả kinh tế một số cây trồng LUT 5

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Rau, màu vụ xuân	Rau, màu vụ hè	Rau, màu vụ đông	Tổng
GO	1000đ	58.380	84.080	48.285	190.745
IC	1000đ	15.718	19.254	15.108	50.080
VA	1000đ	42.662	64.826	33.177	140.665
LĐ	Công	300	556	250	1106
VA/LĐ	1000đ	142.206	116.593	132.708	127.183
VA/IC	Lần	2,71	3,37	2,20	2,81
GO/IC	Lần	3,71	4,37	3,20	3,81

Kết quả phân tích cho thấy giá trị sản xuất của LUT 3 là 190.745 nghìn đ/ha. Trong đó, Rau, màu vụ hè có giá trị sản xuất cao nhất 84.080 nghìn đ/ha, thấp nhất là rau, màu đông với 48.285 nghìn đ/ha. Tỉ suất VA/IC của LUT 5 là 2,81. Trong đó, rau, màu vụ hè có tỉ suất VA/IC cao nhất 3,37 lần, rau, màu mùa đông có tỉ suất VA/IC thấp nhất 2,20 lần (Bảng 6). Loại hình sử dụng đất này có giá trị gia tăng ở mức cao, hiệu quả sử dụng vốn tốt. Đây là loại hình sử dụng đất mang thu nhập cao cho hộ nông dân, thu hút và giữ quyết được lao động thừa. Nói chung các hộ đều có xu hướng muốn áp dụng công thức luân canh này. Tuy nhiên không phải hộ nông dân nào cũng có thể áp dụng vì yêu cầu chi phí trung gian lớn, cần nhiều công lao động và lao động phải có trình độ kỹ thuật.

3.2.6. Hiệu quả kinh tế của LUT 6 (Đất trồng cây công nghiệp lâu năm)

Đất trồng cây công nghiệp lâu năm thường được trồng trên đất dốc từ 8-15 độ. Qua phân tích cho thấy tỉ suất VA/IC 5,69 lần đây là LUT có tỉ suất cao nhất trong các loại hình sử dụng đất. Nhưng giá trị của của LUT 6 là 91.700 nghìn đ/ha không phải là cao nhất trong các loại hình sử dụng đất của huyện do giá của thị trường sản phẩm (Chè, Quế) bị ảnh hưởng do các vùng lân cận được cung ứng cạnh tranh.

Bảng 6. Hiệu quả kinh tế cây trồng lâu năm LUT 6 (đất trồng cây công nghiệp lâu năm)

Chỉ tiêu	ĐV tính	Chè
GO	1000đ	91.700
IC	1000đ	13.700
VA	1000đ	78.000
LĐ	Công	875
VA/LĐ	1000đ	89,142
VA/IC	Lần	5,69
GO/IC	Lần	6,69

3.2.7. Hiệu quả kinh tế của LUT 7 (Đất trồng rừng sản xuất)

Do có đặc điểm địa hình phần lớn diện tích là vùng núi cao, độ dốc lớn, địa hình bị chia cắt mạnh. Theo số liệu điều tra đất trồng rừng sản xuất hiện có 20.671,35 ha chiếm 40,2% diện tích đất nông nghiệp của huyện. Một số loại cây trồng chính trong LUT 7 là: Keo, mỡ, trám, vầu, nứa...

Bảng 7. Hiệu quả kinh tế cây trồng lâu năm LUT 7 (Đất trồng rừng sản xuất)

Chỉ tiêu	ĐVT	Keo
GO	1000đ	65.000
IC	1000đ	16.000
VA	1000đ	49.000
LĐ	Công	210
VA/LĐ	1000đ	234
VA/IC	Lần	3,06
GO/IC	Lần	4,06

Kết quả phân tích cho thấy đây là một trong những loại hình sử dụng đất cho hiệu quả kinh tế thấp nhất với GTSX là 65.000 nghìn đ/ha, VA là 49.000 nghìn đ/ha. Nhưng tỉ suất VA/IC là 3,06 lần cao thứ 2 trong các loại hình sử dụng đất của huyện do chi phí sản xuất cho loại hình này thấp với IC là 16 nghìn đ/ha.

3.2.6. Hiệu quả kinh tế của LUT 9 (Đất nuôi trồng thủy sản)

Đất nuôi trồng thủy sản là loại hình sử dụng đất truyền thống của huyện do có khá nhiều sông, hồ tự nhiên và của các hộ gia đình. Diện tích đất nuôi trồng thủy sản của huyện 956,71 ha chiếm 1,86% diện tích đất tự nhiên toàn huyện. Qua bảng 8 cho thấy loại hình sử dụng đất LUT 9 có giá trị sản xuất là 72.533 nghìn đ/ha, đây là loại hình sử dụng đất có giá trị sản xuất thấp trong các loại hình sử dụng đất của huyện.

Bảng 8. Hiệu quả kinh tế LUT 9

Chỉ tiêu	ĐV tính	Cá chép	Cá mè	Trắm cỏ	Trung bình
GO	1000đ	72.800	60.800	84.000	72.533
IC	1000đ	20.925	19.185	23.035	21.048
VA	1000đ	51.875	41.615	60.965	51.485
LĐ	Công	285	285	285	285
VA/LĐ	1000đ	182.017	146.017	213.912	180.649
VA/IC	Lần	2,48	2,17	2,65	2,45
GO/IC	Lần	3,48	3,17	3,65	3,45

3.3. So sánh hiệu quả kinh tế các loại hình sử dụng đất**3.3.1. So sánh hiệu quả kinh tế các loại hình sử dụng đất**

Kết quả phân tích cho thấy các loại hình sử dụng đất cho giá trị sản xuất cao như: LUT 2 với 106.136 nghìn đ/ha, LUT 3 với 135.200 nghìn đ/ha, LUT 5 với 190.745 nghìn đ/ha. Loại hình sử dụng đất LUT 4, LUT 7 cho giá trị sản xuất thấp nhất với 35.917 nghìn đ/ha và 65.000 nghìn đ/ha. Các loại hình sử dụng đất có mức đầu tư chi phí cao là: LUT 5, LUT 3, LUT 2 do thâm canh

cao, khả năng quay vòng đất nhanh. Theo kết quả điều tra cho thấy nông dân thường sản xuất từ 2 - 3 vụ/năm, đặc biệt đối với LUT 5 có những hộ sản xuất từ 3 - 4 vụ/năm. LUT có hiệu quả đồng vốn cao nhất là LUT 6 với VA/IC 5,69 lần, LUT có hiệu quả đồng vốn thấp nhất là LUT 4 với VA/IC 1,77 lần (Bảng 9).

Bảng 9. So sánh hiệu quả kinh tế các loại hình sử dụng đất

Chỉ tiêu	LUT 1	LUT 2	LUT 3	LUT 4	LUT 5	LUT 6	LUT 7	LUT 9
GO	74.144	106.136	135.200	35.917	190.745	91.700	65.000	72.533
IC	25.161	32.808	37.969	12.956	50.080	13.700	16.000	21.048
VA	48.983	73.318	97.231	22.961	140.665	78.000	49.000	51.485
LĐ	485	685	745	240	1.106	875	210	285
VA/LĐ	100.993	107.034	130.510	95.671	127.183	89.142	234	180.649
VA/IC	1,95	2,23	2,56	1,77	2,81	5,69	3,06	2,45
GO/IC	2,95	3,23	3,56	2,77	3,81	6,69	4,06	3,45

3.3.2. Kết quả phân cấp một số chỉ tiêu kinh tế huyện Định Hóa

* **Chỉ tiêu giá trị sản xuất (GO):** Kết quả phân tích cho thấy phần lớn diện tích có giá trị sản xuất từ 70 - 100 tr.đồng chiếm 69,6% tập trung ở các LUT 1, LUT 6, LUT 9. Giá trị sản xuất thấp có 1.281,77 ha chiếm 13,38%.

* **Chỉ tiêu chi phí trung gian (IC):** Kết quả phân tích cho thấy chi phí đầu tư sản xuất của các hộ chỉ ở mức trung bình và thấp, chi phí trung gian IC2 chiếm 45,05%, chi phí trung gian IC3 chiếm 37,93%, do đó hiệu quả kinh tế mang lại còn chưa cao (Bảng 11).

* **Chỉ tiêu giá trị gia tăng (VA):** Kết quả phân tích cho thấy phần lớn diện tích có giá trị gia tăng dưới 70 tr.đồng chiếm 58,44% còn lại phần nhỏ diện tích có giá trị gia tăng trên 100 tr.đồng, với kết quả phân cấp này cho thấy hiệu quả kinh tế đất nông nghiệp của huyện Định Hóa còn rất hạn chế.

* **Chỉ tiêu tỷ suất VA/IC:** Kết quả phân tích cho thấy phần lớn diện tích đất canh tác có tỉ suất VA/IC ở mức cao với 3.431,640ha chiếm 35,86%. Diện tích có tỉ suất VA/IC ở mức trung bình với 2.339,195ha với 24,44%. Diện tích có tỉ suất VA/IC ở mức thấp với 3.798,760ha với 39,7%.

* **Chỉ tiêu tỷ suất VA/LĐ:** Kết quả phân tích cho thấy phần lớn diện tích đất canh tác có tỉ suất VA/LĐ ở mức trung bình với 5.299,825ha chiếm 54,65%. Tỉ lệ diện tích có tỉ suất VA/LĐ cao thấp chiếm 18,75%.

* **Chỉ tiêu tỷ suất GO/IC:** Kết quả phân tích cho thấy diện tích đất canh tác có tỉ suất GO/IC ở mức cao với 3.431,640ha chiếm 35,86%. Diện tích có tỉ suất GO/IC ở mức trung bình với 2.339,195ha với 24,44%. Diện tích có tỉ suất GO/IC ở mức thấp với 3.798,760ha với 39,7%.

Bảng 10. Tổng hợp diện tích phân cấp theo chỉ tiêu

TT	Chỉ tiêu giá trị sản xuất (GO)			Chỉ tiêu giá trị gia tăng (VA)		
	Mức độ	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Mức độ	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	GO1	1.629,195	17,02	VA1	817,775	8,55
2	GO2	6.658,630	69,6	VA2	3.159,420	33,01
3	GO3	1.281,770	13,38	VA3	5.592,400	58,44
TT	Chỉ tiêu chi phí trung gian (IC)			Tỷ suất VA/IC		
	Mức độ	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Mức độ	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	IC1	1.629,195	17,02	VA/IC1	3.431,640	35,86
2	IC2	4.310.630	69,6	VA/IC2	2.339,195	24,44
3	IC3	3.629,770	13,38	VA/IC3	3.798,760	39,7
TT	Tỷ suất VA/LĐ			Tỷ suất GO/IC		
	Mức độ	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Mức độ	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	VA1	817,775	8,55	GO/IC1	3.431,640	35,86
2	VA2	3.159,420	33,01	GO/IC2	2.339,195	24,44
3	VA3	5.592,400	58,44	GO/IC3	3.798,760	39,7

4. Kết luận

Huyện Định Hóa có điều kiện để phát triển nền nông nghiệp sinh thái năng suất cao, bền vững. Kết quả nghiên cứu đã đánh giá được hiệu quả kinh tế các loại hình sử dụng đất nông nghiệp (LUT), phân cấp các chỉ tiêu kinh tế của từng loại hình sử dụng đất nông nghiệp. Từ 51.351,90ha đất nông nghiệp của huyện Định Hóa đã xác định được 9 các loại hình sử dụng đất và 7 chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế.

Các loại hình sử dụng đất huyện Định Hóa tương đối đa dạng, loại hình sử dụng đất cho hiệu quả kinh tế cao nhất là LUT 3 với 190.745 nghìn đ/ha. Loại hình sử dụng đất LUT 4, LUT 7 cho GTSX thấp nhất với 35.917 nghìn đ/ha 65.000 nghìn đ/ha.

Phân cấp các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế các loại hình sử dụng đất của huyện cho thấy: Diện tích đất có giá trị sản xuất cao chiếm 17,02% diện tích đất canh tác với 1.629,195 ha. Diện tích đất có chi phí đầu tư cao chiếm 17,02% với 1.629,195 ha. Hiệu quả sử dụng đồng vốn cao nhất là LUT 6.

Trên cơ sở phân tích đánh giá lợi thế và những hạn chế về chỉ tiêu kinh tế hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, cần đồng thời xây dựng các giải pháp khắc phục nhằm góp phần nâng cao hiệu quả cho công tác đánh giá đất, quy hoạch sử dụng đất của huyện trên cả 3 mặt kinh tế xã hội và môi trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] T. N. Truong and N. N. Nguyen, "Study on the characteristics of land resources in Dinh Hoa district, Thai Nguyen province," *Journal of Soil Science*, no. 65, pp. 18-24, 2021.
- [2] T. N. Truong and A. T. Ha, "Research results on building sloped soil database and terrain elevation stratification in Thai Nguyen province from global elevation data (ASTER GDEM)," *TNU - Journal of Science & Technology*, vol. 189, no. 13, pp. 229-238, 2018.
- [3] T. D. Nguyen, D. N. Nguyen, T. N. Truong, and T. K. H. Vu, "Morphological characteristics and some physico-chemical properties of tea growing soil in Thai Nguyen province," *Journal of Soil Science*, no. 65, pp. 7-12, 2021.
- [4] T. N. Truong, N. N. Nguyen, and V. T. Le, "Research results on building slope database from global elevation data (ASTER GDEM) to serve the assessment of land potential and propose solutions to use slopping land in Dinh Hoa district, Thai Nguyen province," *Journal of Agriculture & Rural Development*, no. 10, p. 196, 2017.
- [5] T. L. Do and A. T. Do, *Land resource economics (textbook)*. Agricultural Publishing House, Hanoi, 2008.
- [6] N. N. Nguyen, T. H. Nguyen, T. V. Dao, N. A. Nguyen, T. N. Truong, T. T. H. Nong, V. T. Le, and N. S. H. Nguyen, "Situation and solutions to develop Thai Nguyen tea's main product in the period of 2020 - 2025, orientation to 2030," *Journal of Soil Science*, no. 65, pp. 62-68, 2021.
- [7] C. T. Tran Chi Thien, *Statistical principles (textbook)*. Statistical Publishing House, Hanoi, 2013.
- [8] Ministry of Science and Technology, *TCVN 8409:2012 "Agricultural land evaluation process"*, Hanoi, 2012.
- [9] N. N. Nguyen, T. T. H. Nong, T. L. Do, T. N. Truong, and D. L. Nguyen, *Soil Assessment (textbook)*, Bach Khoa Publishing House, Hanoi, 2020.